



NHỮNG
VẤN ĐỀ
TỪ ĐIỂN
HỌC

QUAN HỆ BAO THUỘC CỦA TỪ BIỂU HIỆN BỘ PHẬN CƠ THỂ LOÀI KHỈ TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG LÀO

HÀ THỊ MAI THANH * - KHAMMOUAN CHITPHASACK **

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* phản ánh quan hệ bao thuộc trong tiếng Việt và tiếng Lào. Trong ngữ liệu khảo sát, từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* nói chung và từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* thuộc phần thân có sự tương đồng ở số lượng từ bao. Bên cạnh đó, từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* thuộc phần đầu trong tiếng Lào có số lượng từ thuộc lớn hơn tiếng Việt. Tuy nhiên, từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* nói chung và từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* thuộc phần thân có sự tương đồng ở số lượng từ thuộc trong tiếng Việt lớn hơn tiếng Lào. Điều này cho thấy mạng từ trong tiếng Việt phản ánh quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* nói chung và từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khỉ* thuộc phần thân có mức độ sâu hơn và có tính sản sinh cao hơn tiếng Lào.

Từ khóa: Từ biểu hiện bộ phận cơ thể loài khỉ, quan hệ bao thuộc, tiếng Việt, tiếng Lào

Abstract: The article studies words expressing *monkey body parts* (MBPs) reflecting hyponymy in Vietnamese and Lao language. Of the surveyed linguistic data, words expressing general MBPs and words expressing MBPs of the middle part show some similarities in the number of hypernyms. Besides, words expressing MBPs of the upper part in Lao language have a greater number of hyponyms than Vietnamese. However, words expressing general

MBPs and words expressing MBPs of the middle part have a greater number of hyponyms in Vietnamese than in Lao language. This shows that the wordnet in Vietnamese reflects deeper hyponymy of words expressing general MBPs and MBPs of the middle part and has higher productivity than Lao language.

Keywords: Words expressing the monkey body parts, hyponymy, Vietnamese, Lao language

1. Đặt vấn đề

Quan hệ bao thuộc dùng để chỉ quan hệ ngữ nghĩa bao gộp, tồn tại giữa một từ có tính chất khái quát hơn với một từ có tính chất cụ thể hơn. Trong cuốn *Các lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng*, Dirk Geeraerts [2] đã chỉ ra: “Từ có tính chất khái quát hơn được gọi là *từ bao* (hyperonym, hypernym) hay *từ cấp trên* (superordinate). Từ có tính cụ thể hơn được gọi là *từ thuộc* (hyponym) hay *từ cấp dưới* (subordinate). Các từ cùng là *từ thuộc* của một *từ bao* được gọi là *từ cùng thuộc/cùng thuộc* (co - hyponym)” [2, tr.131-132]. Cấu trúc lớn ti của các *từ thuộc* và *từ bao* chính là một phép *phân loại học*

* TS - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email. halthimai thanh@gmail.com

** HVCH - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc

(taxonomy). Dựa trên sự đối lập giữa quan hệ là một loại (loài)/kiểu (is a kind/type of) và quan hệ là một (is a) [2, tr.132].

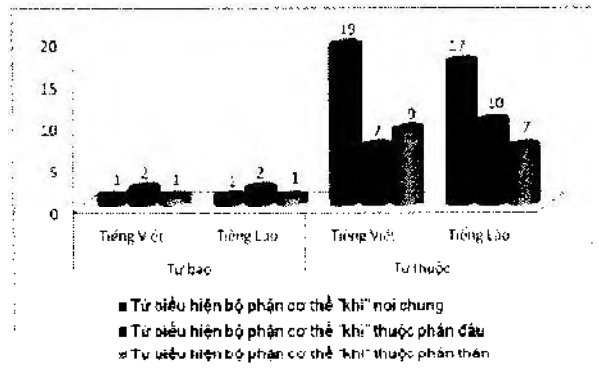
Việt Nam và Lào là hai quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á. Cả hai nước có diện tích rừng lớn với hệ động thực vật phong phú và đa dạng. Trong đó, khi là một loài động vật có nhiều trong hệ sinh thái rừng ở cả hai nước Việt Nam và Lào. Theo quan điểm sinh vật học, khi là đại diện của lớp Thú (Mamalia). Trong *Động vật học có xương sống*, Lê Vũ Khôi (1) và Trần Kiên (2) đều miêu tả cấu tạo cơ thể khi gồm ba phần: *đầu, thân và chân*. Trong đó, có những bộ phận cơ thể thuộc về cả ba phần (*da, xương,...*). Quan hệ bao thuộc xuất hiện với từ biểu hiện *bộ phận cơ thể loài khi* (BPCTLK) nói chung, từ biểu hiện BPCTLK phần đầu và phần thân nhưng không xuất hiện từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần chân. Do đó, các từ biểu hiện BPCTLK sẽ được miêu tả trên hai bình diện: (1) Từ biểu hiện BPCTLK nói chung (*xương*); (2) Từ biểu hiện BPCTLK các phần (*phần đầu: tai, răng; phần thân: ruột*). Nguồn ngữ liệu được sử dụng trong bài viết bao gồm: Lê Vũ Khôi (1); Trần Kiên (Chủ biên) - Trần Hồng Việt (2); (3); (4); Trần Kim Lân (5); Hoàng Phê (6); ທະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ (7).

Trong khoảng vài năm trở lại đây, thuật ngữ “mạng từ” xuất hiện trong công trình của Dirk Geeraerts [2] và công trình của Nguyễn Phương Thái [6]. Theo Dirk Geeraerts [2], “mạng từ” (WordNet) là một ứng dụng thực tế của khái niệm quan hệ nghĩa. Trong dữ liệu “mạng từ”, danh từ, động từ, tính từ và các trạng từ được nhóm thành các loạt đồng nghĩa (set of synonyms; synsets); các loạt đồng nghĩa và các đơn vị từ vựng có trong loạt đồng nghĩa được nối với nhau bằng phương tiện là các quan hệ nghĩa. Dữ liệu “mạng từ” không chỉ chứa những từ thực sự mà còn chứa cả những biểu thức có cấu tạo gồm nhiều từ. Để thêm vào các quan hệ nghĩa, “mạng từ” còn cấp thêm thông tin về các từ phái sinh hữu quan, về các khung câu của động từ, về tần số tương đối của từ.

Trong [6], Nguyễn Phương Thái đã ứng dụng lý thuyết mạng từ để nghiên cứu mạng từ tiếng Việt. Mục đích nghiên cứu của công trình này là cung cấp nguồn ngữ liệu từ vựng cho tiếng Việt dựa trên các quan hệ nghĩa của từ.

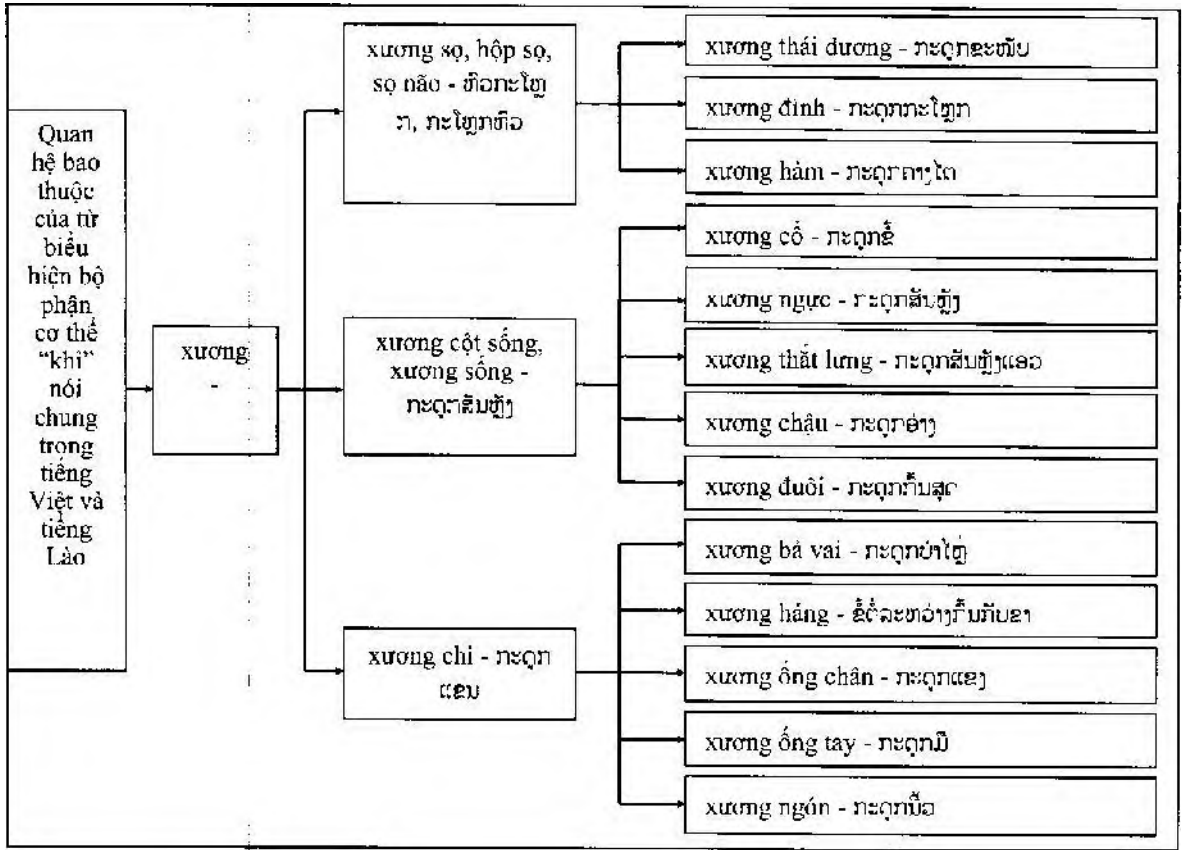
Từ biểu hiện BPCTLK trong tiếng Việt và tiếng Lào trên cơ sở quan hệ bao thuộc sẽ được xác lập tạo thành một tập dữ liệu từ vựng. Việc sử dụng lý thuyết về quan hệ bao thuộc của từ trong hệ thống sẽ giúp bài viết chỉ ra các ô trống từ vựng biểu hiện BPCTLK trong tiếng Việt qua sự so sánh đối chiếu với tiếng Lào. Kết quả nghiên cứu này sẽ bước đầu làm sáng rõ đặc điểm văn hóa - tư duy của dân tộc Việt và dân tộc Lào.

2. Miêu tả quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể loài khi trong tiếng Việt và tiếng Lào



Biểu đồ 1. Biểu đồ thể hiện số lượng từ biểu hiện bộ phận cơ thể “khi” phản ánh quan hệ bao thuộc trong tiếng Việt và tiếng Lào

Số lượng từ bao trong tiếng Việt và tiếng Lào đều là 4 từ. Tổng số từ thuộc trong tiếng Việt là 35 từ, tiếng Lào là 34 từ. Theo ngữ liệu khảo sát, quan hệ bao thuộc chỉ xuất hiện trong từ biểu hiện BPCTLK nói chung, từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần đầu, từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân. Trong tiếng Việt và tiếng Lào, từ bao của từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần đầu và từ thuộc của từ biểu hiện BPCTLK nói chung có số lượng từ lớn nhất. Chiếm số lượng từ bao nhỏ nhất trong tiếng Việt và tiếng Lào là từ biểu hiện BPCTLK nói



Sơ đồ 1. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể “khí” nói chung

chung và từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân. Từ thuộc biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân có số lượng nhỏ nhất. Theo kết quả thống kê, quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện BPCTLK trong tiếng Việt và tiếng Lào sẽ được tìm hiểu ở ba phương diện: (1) Từ biểu hiện BPCTLK nói chung (*xương - ງຸນ*); (2) Từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần đầu (*răng - າ້ວ, tai - ຫຍ*); (3) Từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân (*ruột - າ້ວ*).

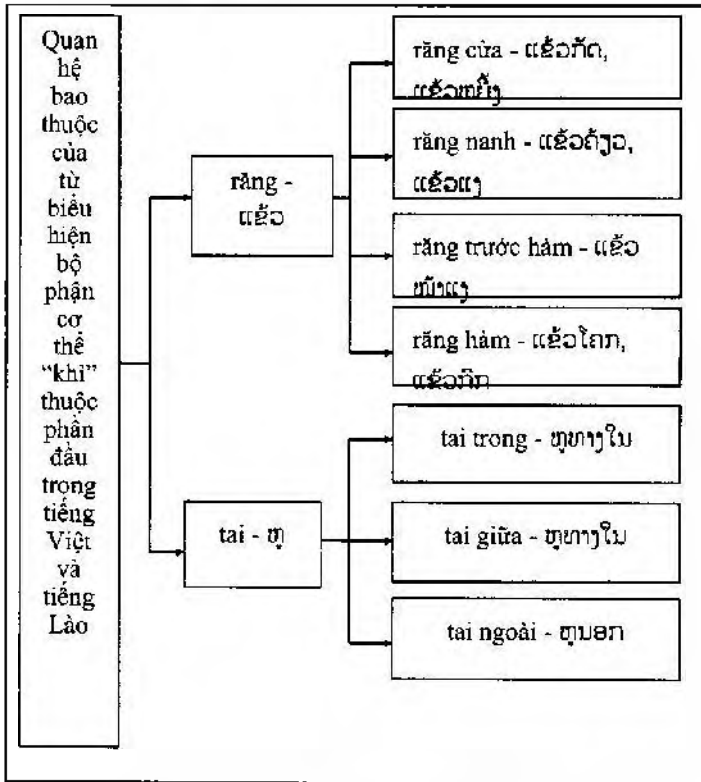
2.1. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể “khí” nói chung

Khi đặt từ bao *xương - ງຸນ* vào mạng từ của hai ngôn ngữ Việt - Lào có thể thấy từ bao này được chia làm ba khúc đoạn với các từ thuộc ở bậc 1: (1) *xương sọ, hộp sọ, sọ não - ຫົວກະໂຫຼກ, ກະໂຫຼກຫົວ*; (2) *xương cột sống, xương sống - ກະດູກສັນຫຼັງ*; (3) *xương chi - ກະດູກແຂນ*. Về số lượng từ thuộc ở bậc 1, tiếng Việt có 6 từ và tiếng Lào có 4 từ. Khúc đoạn thứ nhất trong

tiếng Việt và tiếng Lào có 3 từ thuộc ở bậc 2: *xương thái dương - ກະດູກຂະໜົບ, xương đỉnh - ກະດູກກະໂຫຼກ, xương hàm - ກະດູກຄາງໄຕ*. Khúc đoạn thứ hai gồm 5 từ thuộc ở bậc 2: *xương cổ - ກະດູກຂໍ້, xương ngực - ກະດູກສັນຫຼັງ, xương thắt lưng - ກະດູກສັນຫຼັງແອວ, xương chậu - ກະດູກອ່າງ, xương đuôi - ກະດູກກິນສຸດ*. Khúc đoạn thứ ba gồm 5 từ thuộc ở bậc 2: *xương bả vai - ກະດູກບ່າໄຫຼ່, xương háng - ຂໍ້ຕະຫວ່າງກີ້ມກັບຂາ, xương ống chân - ກະດູກແຂງ, xương ống tay - ກະດູກມື, xương ngón - ກະດູກນິ້ວ*. Số lượng từ thuộc ở bậc 2 trong tiếng Việt tương đương với tiếng Lào nhưng số lượng từ thuộc ở bậc 1 trong tiếng Việt lại lớn hơn tiếng Lào. Có thể nhận thấy, khi phân ánh quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện BPCTLK nói chung, độ sâu trong sự phân loại hay sự phạm trù hóa hiện thực trong tiếng Việt sâu hơn, chi tiết hơn và có tính sản sinh cao hơn tiếng Lào. Điều này cũng có nghĩa, tiếng Việt có nhiều cấp quy loại trên phạm trù cơ sở hơn tiếng Lào.

2.2. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện từng phần bộ phận cơ thể "khi"

2.2.1. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể "khi" thuộc phần đầu



Sơ đồ 2. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể "khi" thuộc phần đầu

Các từ thuộc của từ bao tai - ຫູ trong tiếng Việt có sự tương đồng với tiếng Lào. Tuy nhiên, số lượng thuộc của từ bao răng - ຂ້ວ

trong tiếng Việt lại nhỏ hơn tiếng Lào. Trong tiếng Việt, từ bao răng - ຂ້ວ có 4 từ thuộc: răng cửa, răng nanh, răng trước hàm, răng hàm. Trong tiếng Lào, từ bao răng - ຂ້ວ có 7

từ thuộc: ຂ້ວກັດ, ຂ້ວຫຍິບ, ຂ້ວຄ້າງ, ຂ້ວແງ, ຂ້ວຫົວແງ, ຂ້ວໂຄກ, ຂ້ວນົກ. Với từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần đầu phản ánh quan hệ bao thuộc, độ sâu phân loại trong tiếng Lào lớn hơn tiếng Việt. Như vậy, mạng từ trong tiếng Lào phản ánh quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện BPCTLK có sự phân loại sâu và chi tiết hơn tiếng Việt.

2.2.2. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể "khi" thuộc phần thân

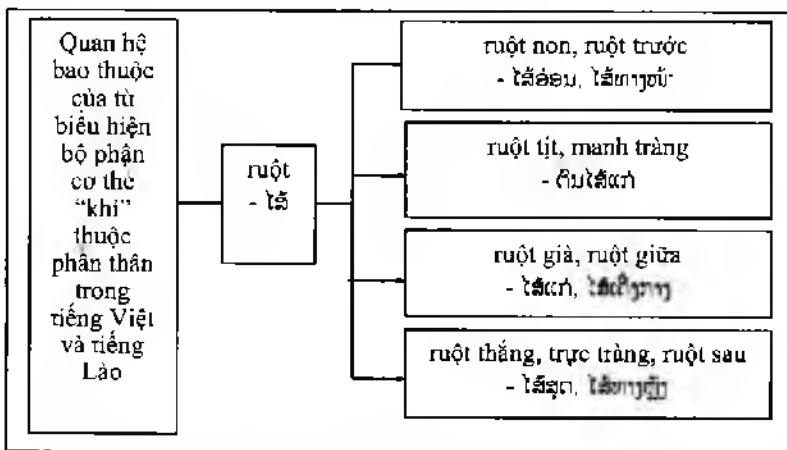
Trong tiếng Việt, từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân có số lượng từ thuộc của từ bao ruột - ລື່ ລື່ lớn hơn tiếng Lào. Từ thuộc của từ bao ruột - ລື່ ລື່ trong tiếng Việt là 9 từ: ruột non, ruột trước, ruột tịt, manh tràng, ruột già, ruột giữa, ruột thẳng, trực tràng, ruột sau. Nhưng tiếng Lào chỉ có 7 từ: ລື່ອອນ, ລື່ທາງໜ້າ, ລື່ທາງກາງ, ລື່ທາງເໜືອ, ລື່ທາງໃຕ້, ລື່ທາງໃນ, ລື່ທາງນອກ. So với từ biểu hiện BPCTLK nói chung,

từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân có sự tương đồng ở số lượng từ thuộc trong tiếng

Việt lớn hơn tiếng Lào. Như vậy, trong tiếng Việt, mạng từ phản ánh quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện BPCTLK nói chung và từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân đều có mức độ sâu, chi tiết và có tính sản sinh cao hơn tiếng Lào.

Nhận xét chung:

Từ biểu hiện BPCTLK nói chung và từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân phản ánh quan hệ bao thuộc



Sơ đồ 3. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện bộ phận cơ thể "khi" thuộc phần thân

giống nhau ở số lượng từ bao. Trong tiếng Việt, từ biểu hiện BPCTLK nói chung và từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân có số lượng từ thuộc cao hơn tiếng Lào. Kết quả nghiên cứu này thể hiện mạng từ trong tiếng Việt của từ biểu hiện BPCTLK nói chung và từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân phản ánh quan hệ bao thuộc có tính sản sinh và mức độ sâu hơn tiếng Lào. Tuy nhiên, từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần đầu có trong tiếng Lào có số lượng từ thuộc lớn hơn tiếng Việt. Đặc điểm này làm nên sự khác biệt trong bức tranh ngôn ngữ về BPCTLK trong tiếng Việt và tiếng Lào.

3. Kết luận

Bài viết bước đầu làm sáng rõ đặc điểm văn hóa - tư duy của dân tộc Việt trong sự liên hệ với dân tộc Lào. Từ biểu hiện BPCTLK phản ánh quan hệ bao thuộc trong tiếng Việt được nghiên cứu qua việc xác lập một tập dữ liệu từ vựng qua sự đối chiếu với tiếng Lào. Quan hệ bao thuộc của từ biểu hiện BPCTLK nói chung và từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần thân trong tiếng Việt có mức độ sâu và chi tiết hơn tiếng Lào. Nhưng từ biểu hiện BPCTLK thuộc phần đầu trong tiếng Lào lại có số lượng từ thuộc lớn hơn tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu trong bài viết cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt trong tư duy phạm trù của hai dân tộc Việt - Lào.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

(1) Lê Vũ Khôi. *Động vật học có xương sống*, Nxb.

Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

(2) Trần Kiên (Chủ biên) - Trần Hồng Việt. *Động vật học có xương sống*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015.

(3) *Lời nói hằng ngày của người Việt* (Tài liệu điền dã thu thập từ những người Việt cao tuổi ở tỉnh Sơn La)

(4) *Lời nói hằng ngày của người Lào* (Tài liệu điền dã thu thập từ những người Lào cao tuổi ở tỉnh Xay Nhạ Bư Li).

(5) Trần Kim Lân, *Từ điển Lào - Việt*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2012.

(6) Hoàng Phê (Chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2010

(7) ພາສາລາວພາສາໄທ ແລະ ກາລິ (2014), ສາມະຍາຊື່ສັບສວນທັງ ບາງສາມພາສາ ລາວ 5, ສວງຈັນ (Bộ Giáo dục và Thể thao (2014), *Sách học Sinh học Giáo dục trung học lớp 5* (tương đương lớp 10/12), Viêng Chăn).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đỗ Hữu Châu, *Đỗ Hữu Châu tuyển tập, tập 1. Từ vựng - ngữ nghĩa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005.

[2] Dirk Geeraerts, *Các lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng*, Phạm Văn Lam dịch, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.

[3] Phạm Đức Dương, *Việt Nam - Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

[4] Bùi Mạnh Hùng, *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.

[5] Robert Lado, *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa*, Hoàng Văn Vân dịch, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002.

[6] Nguyễn Phương Thái chủ nhiệm đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước: *Nghiên cứu, xây dựng và phát triển một số tài nguyên và công cụ thiết yếu cho xử lý văn bản tiếng Việt*, Mã số: KC.01.20/11-15, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

[7] Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.